

Bản án số: 459/2025/DS - PT  
Ngày: 24 - 9 - 2025  
V/v “*Tranh chấp  
quyền sử dụng đất*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Hùng

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Hữu Lương

Ông Lê Văn Phận

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Tô Thị Út - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Ngọc Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2025/TLPT-DS ngày 02 tháng 4 năm 2025 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2024/DS - ST ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long) và và Quyết định số: 36/2024/QĐ – SCBSBA ngày 22/10/2024 về việc sửa chữa, bổ sung bản án, quyết định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 59/2025/QĐ - PT ngày 21 tháng 4 năm 2025 và Thông báo về việc mở phiên tòa số: 534/TB – TA ngày 03 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Ông Đặng Văn M, sinh năm 1931 (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1940 (chết).

Cùng địa chỉ: ấp V, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là phường H, tỉnh Vĩnh Long).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà K:

- Ông Đặng Tấn T, sinh năm 1973 (có mặt).
- Bà Đặng Túy P, sinh năm 1960 (có mặt).
- Bà Đặng Thị Túy V, sinh năm 1977 (vắng mặt).
- Ông Đặng Tấn L, 60 tuổi (vắng mặt).
- Ông Đặng Văn M, sinh năm 1931 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Đặng Tấn L: Ông Đặng Tấn T, sinh năm 1973, bà Đặng Túy P, sinh năm 1960. Theo văn bản ủy quyền ngày 06/5/2025.

Cùng địa chỉ: ấp V, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đặng Văn M: Bà Phạm Thị Thiên P1, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T2 tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1929 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp V, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là phường H, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện hợp pháp cho bà Nguyễn Thị L1: Bà Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1957 (có mặt). Địa chỉ: ấp V, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là phường H, tỉnh Vĩnh Long). Theo văn bản ủy quyền ngày 09/02/2022.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị L1: Luật sư Nguyễn Công H, thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm T2 tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1957 (có mặt).
2. Ông Nguyễn Anh D, sinh năm 1963 (vắng mặt).
3. Ông (bà) Nguyễn Ngọc E, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp V, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp cho ông D, ông (bà) Em: Bà Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1957 (có mặt). Địa chỉ: ấp V, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là phường H, tỉnh Vĩnh Long). Theo văn bản ủy quyền ngày 09/02/2022.

4. Ông Nguyễn Thành B, sinh năm 1951 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp V, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là phường H, tỉnh Vĩnh Long).

5. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1954 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là phường H, tỉnh Vĩnh Long).

6. Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang (nay là ấp P, xã P, tỉnh An Giang).

7. Ông Nguyễn Thanh H2, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp R, xã A, thị xã H, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp R, phường V, tỉnh An Giang).

8. Bà Bành Thị L2, sinh năm 1968 (vắng mặt).

9. Bà Võ Thị Hồng T1, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Bành Thị L2, bà Võ Thị Hồng T1: Ông Đặng Tân T, sinh năm 1973, bà Đặng Túy P, sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ: ấp V, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Theo văn bản ủy quyền ngày 06/5/2025.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị L1 là bị đơn.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị K, ông Đặng Văn M trình bày:* Vợ chồng ông M, bà K có phần đất diện tích 2.340m<sup>2</sup>, còn bà Nguyễn Thị L1 có diện tích đất 1430m<sup>2</sup>, hai phần đất này giáp ranh nhau. Vào năm 1995, khi Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M diện tích 3.600m<sup>2</sup> thuộc thửa 457, tờ bản đồ số 2, tọa lạc ấp V, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh thì trong diện tích 3.600m<sup>2</sup> này có luôn phần đất 1.430m<sup>2</sup> của bà L1 nhưng đến năm 2000 bà K mới biết sự việc trên. Đến năm 2008, bà L1 khởi kiện yêu cầu ông M, bà K trả lại cho bà L1 diện tích 1500m<sup>2</sup>, bà K, ông M không đồng ý mà chỉ đồng ý trả lại diện tích 1430m<sup>2</sup>. Sau đó bà L1 rút đơn khởi kiện, Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Cơ quan nhà nước tiến hành đo đạc cấp giấy thì bà L1 không đồng ý mà tranh chấp với Bà K, ông M phần đất theo kết quả khảo sát thực tế tổng diện tích là 220m<sup>2</sup>(ngang giáp lộ 4m, ngang đầu trong là 2,85m; dài hơn 62m) nên không tiến hành cấp giấy được. Ông M, bà K khẳng định phần đất tranh chấp 220m<sup>2</sup> nằm trong tổng diện tích 2.340m<sup>2</sup> thuộc quyền sử dụng của ông M, bà K chứ không phải nằm trong phần đất 1.430m<sup>2</sup> của bà L1. Nay bà K, ông M làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L1 trả diện tích tranh chấp 220m<sup>2</sup> nêu trên.

Người kế thừa tố tụng bà Nguyễn Thị K trình bày: Khi bà K còn sống tranh chấp như thế nào gia đình không có ý kiến. Nay bà K đã chết các thành viên kế thừa tố tụng bà K thống nhất giáp lộ lấy trụ điện làm ranh, phần chiều ngang phía sau (hướng đông) đồng ý theo bà C do tới góc dừa làm ranh.

Bà Nguyễn Ngọc C là người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị L1 trình bày: Bà L1 có phần đất diện tích 1.500m<sup>2</sup>, giáp ranh với đất của ông M, bà K. Vào năm 1995, Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận bao trùm phần đất 1.500 m<sup>2</sup> của bà L1 cho ông M đứng tên trong diện tích 3.600m<sup>2</sup> thuộc thửa 457. Khi bà L1 làm thủ tục sang tên tách thửa cho các con, bà L1 mới phát hiện ông M đứng tên luôn phần đất của bà L1, bà L1 đã thương lượng nhiều lần nhưng bà K, ông M không đồng ý tách thửa trả đúng diện tích cho bà L1. Năm 2008, bà L1 khởi kiện yêu cầu bà K, ông M phải trả lại cho bà L1 diện tích 1500m<sup>2</sup>. Ngày 23/6/2011, Ủy ban nhân dân huyện C có quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông M đối với thửa 457 nên bà L1 mới rút đơn khởi kiện để UBND huyện C xét cấp lại quyền sử dụng đất. Khi đoàn đo đạc xuống đo để xét cấp thì bà K chỉ lấn qua phần đất của bà L1 220m<sup>2</sup>(ngang giáp lộ 4m, ngang đầu trong là 2,85m; dài hơn 62m), bà L1 không đồng ý nên bà K khởi kiện.

Ngày 31/5/2014, bà L1 có đơn khởi kiện phản tố yêu cầu gia đình bà K phải trả cho bà L1 diện tích đất đã lấn chiếm 103m<sup>2</sup> và công nhận cho bà L1 phần đất ngang giáp lộ là 25m, ngang phía sau là 28m (trong đó có phần diện tích 103m<sup>2</sup> bà L1 cho rằng gia đình bà K lấn chiếm).

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2024/DS - ST ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long) và và Quyết định số: 36/2024/QĐ – SCBSBA ngày 22/10/2024 về việc sửa chữa, bổ sung bản án, quyết định đã quyết định:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện (yêu cầu phản tố) của bà L1 cho là ông M lấn ranh phần đất của bà ngang 3m, dài 69m (hình tam giác). Tổng diện tích 103m<sup>2</sup>.

Công nhận phần đất mà bà Nguyễn Thị L1 được quyền sử dụng có độ dài tứ cận như sau:

- Hướng đông giáp thửa 464 có độ dài 21,80m
- Hướng tây giáp lộ nhựa có độ dài 25m
- Hướng nam giáp thửa 465 có độ dài 64.69m
- Hướng Bắc giáp phần còn lại của thửa 457 có độ dài 60,87m; 4.32m

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 16 tháng 10 năm 2024, bị đơn bà Nguyễn Thị L1 kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm xét xử theo hướng buộc gia đình ông M trả lại cho bà phần diện tích đất tranh chấp 115m<sup>2</sup>.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người đại diện hợp pháp của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng: Thửa đất 457 theo tư liệu năm 1983 thuộc một phần thửa 264, diện tích 2.690m<sup>2</sup> do bà Phạm thị S kê khai, đăng ký; thuộc thửa 265, diện tích 1.430m<sup>2</sup> do ông Nguyễn Văn H3 kê khai, đăng ký; thuộc một phần thửa 266, diện tích 2.340m<sup>2</sup> do ông Đặng Văn M kê khai, đăng ký nhưng hộ ông M được cấp quyền sử dụng đất luôn phần đất do ông Nguyễn Văn H3 (chồng bà Nguyễn Thị L1) kê khai là không đúng đối tượng. Do cấp quyền sử dụng đất sai nên UBND huyện C thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông M đối với thửa 457. Do đó, phần đất tranh chấp là của gia đình bà L1, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L1.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Đặng Văn M cho rằng: Trước đây bà Nguyễn Thị L1 thừa nhận phần đất của bà L1 chiều ngang giáp lộ là 25m, chiều ngang đầu trong là 25m, nay bà L1 cho rằng chiều ngang đầu trong 28m là không đúng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà L1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, vị Kiểm sát viên cho rằng: Thửa đất 457 trước đây UBND huyện C cấp quyền sử dụng đất cho hộ ông Đặng Văn M, trong đó có phần đất do ông Nguyễn Văn H3 (chồng bà Nguyễn Thị L1) kê khai. Do cấp quyền sử dụng đất sai nên UBND huyện C thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông M đối với thửa 457. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào quá trình sử dụng đất, lời khai của người làm chứng và sự thừa nhận của các đương sự chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị L1, công nhận phần diện tích đất cho bà L1 lớn hơn phần diện tích đất mà bà L1 yêu cầu trước đây. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm tuyên về kích thước tứ cận cụ thể không đúng theo sơ đồ nên Tòa án cấp phúc thẩm có ủy thác cung cấp thông tin được Văn phòng Đăng ký đất đai có công văn số: 187 ngày 29/8/2025 xác định lại diện tích đất tranh chấp. Do đó, kháng cáo của bà L1 yêu cầu công nhận thêm cho bà L1 03m chiều ngang phần đất phía trong là không có cơ sở chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Thành B, bà Nguyễn Thị C1, ông Nguyễn Thanh H2; bà Đặng Thị Túy V (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị K) vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Phiên tòa hôm nay là phiên tòa mở lần thứ hai nên căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự trên.

[2] Thửa đất 457, diện tích 3.600m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 2, tọa lạc ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Tra Vinh (nay là Phường H, tỉnh Vĩnh Long) do ông Đặng Văn M kê khai, đăng ký theo tư liệu năm 1992 và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông M vào ngày 23/12/1995. Đến ngày 23/6/2011, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số: 3064/QĐ – UBND thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông M đối với thửa đất 457 với lý do cấp giấy chứng nhận chưa đúng hiện trạng và đối tượng sử dụng. Theo tư liệu năm 1983 thuộc một phần thửa 264, diện tích 2.690m<sup>2</sup> do bà Phạm Thị S kê khai, đăng ký; thuộc thửa 265, diện tích 1.430m<sup>2</sup> do ông Nguyễn Văn H3 kê khai, đăng ký; thuộc một phần thửa 266, diện tích 2.340m<sup>2</sup> do ông Đặng Văn M kê khai, đăng ký (BL 111, 46, 19 – 20).

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Ngọc C là người đại diện hợp pháp của bị đơn bà L1 cho rằng phần đất của gia đình bà cạnh hướng Tây giáp lộ chiều ngang là 25m (trên thực trạng), cạnh hướng Đông giáp thửa 464 chiều ngang 25m (trên thực trạng từ điểm 5 đến điểm 4). Phía nguyên đơn không đồng ý với ý kiến của bà L1 nên phát sinh tranh chấp. Sau khi bà K chết, các con của bà K (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà K) thống nhất theo yêu cầu của bà L1 nhưng bà C lại đòi ý cho rằng cạnh hướng Đông giáp thửa 464 chiều ngang 28m (trên thực trạng từ điểm 5 đến điểm 4, cộng thêm 03m). Như vậy, theo sự trình bày trên của hai bên đương sự thì hai bên thống nhất cạnh hướng Tây giáp lộ chiều ngang phần đất của bà L1 25m (trên thực trạng); phần cạnh hướng Đông các bên chưa thống nhất (bà C cho rằng chiều ngang 28m, phía nguyên đơn cho rằng là 25m). Như vậy, phần đất tranh chấp có hình thể là hình tam giác. Tuy nhiên, theo Sơ đồ khu đất kèm theo công văn số: 1464/CNHCT ngày 04/10/2024 của Văn phòng Đ – Chi nhánh huyện C thì không thể hiện được phần đất tranh chấp diện tích bao nhiêu mét vuông (BL 235 – 236). Diện tích 103m<sup>2</sup> mà cấp sơ thẩm xác định là phần đất tranh chấp và tuyên trong Bản án không xác định được nằm ở vị trí nào trên Sơ đồ khu đất kèm theo công văn số: 1464/CNHCT ngày 04/10/2024. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm ủy thác cho Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu Văn phòng Đ – Chi nhánh huyện C cung cấp lại Sơ đồ khu đất thể hiện phần đất tranh chấp theo ý kiến của hai bên đương sự. Theo Sơ đồ khu đất kèm theo công văn số: 187/CNKV 12 - KT ngày 29/8/2025 của Văn phòng Đ - Chi nhánh Khu vực 12 cung cấp thì phần đất tranh chấp có diện tích 98,5m<sup>2</sup> (phần ký hiệu A3, D2, E) thuộc thửa 457.

[4] Như nhận định trên [3], trước đây bà C thừa nhận phần đất của bà L1 cạnh hướng Tây giáp lộ chiều ngang 25m, cạnh hướng Đông giáp thửa 464 chiều ngang 25m (tức là thừa nhận phần đất tranh chấp diện tích 98,5m<sup>2</sup> (phần ký hiệu A3, D2, E) là do gia đình bà K, ông M sử dụng), nay lại cho rằng phần đất tranh chấp 98,5m<sup>2</sup> là do bà L1 sử dụng (yêu cầu thêm cạnh hướng Đông chiều ngang 03m). Trên hiện trạng phần đất mà phía nguyên đơn thống nhất giao cho bà L1 sử dụng có diện tích 1.543m<sup>2</sup> (phần ký hiệu C, C3, A4), như vậy là nhiều hơn sơ với yêu cầu trước đây của bà L1 (trước đây bà L1 yêu cầu công nhận cho bà L1 diện tích 1.500m<sup>2</sup>); nhiều hơn phần diện tích ông Nguyễn Quang H4 (chồng bà L1) kê khai năm 1983 (năm 1983 ông H4 kê khai, đăng ký diện tích 1.430m<sup>2</sup>). Do đó, kháng

cáo của bà L1 cho rằng phần đất tranh chấp diện tích 98,5m<sup>2</sup> (phần ký hiệu A3, D2, E) là của bà L1 là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Như nhận định trên, phần đất tranh chấp theo ý kiến trình bày của các bên đương sự được xác định diện tích là 98,5m<sup>2</sup> (phần ký hiệu A3, D2, E), cấp sơ thẩm xác định diện tích là 103m<sup>2</sup> nhưng không xác định được nằm ở vị trí nào trên Sơ đồ khu đất nên cấp phúc thẩm sửa lại phần này của bản án sơ thẩm.

[6] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận.

[7] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Đặng Văn M; ý kiến của vị Kiểm sát viên, như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bà Nguyễn Thị L1 là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho bà L1.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L1.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2024/DS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Vĩnh Long).

Áp dụng Điều 175, 176 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 100, Điều 202 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng Điều 26, Điều 235 và Điều 236 Luật đất đai năm 2024;

Áp dụng Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn M, bà Nguyễn Thị K (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà K: Ông Đặng Tấn T, bà Đặng Túy P, bà Đặng Thị Túy V, ông Đặng Tấn L, ông Đặng Văn M) yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị L1 trả phần diện tích đất tranh chấp 220m<sup>2</sup> thuộc thửa đất 457.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị L1.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L1 yêu cầu gia đình ông Đặng Văn M, bà Nguyễn Thị K (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà K: Ông Đặng Tấn T, bà Đặng Túy P, bà Đặng Thị Túy V, ông Đặng Tấn L, ông Đặng Văn M) trả lại phần đất tranh chấp diện tích 98,5m<sup>2</sup> (phần ký hiệu A3, D2, E) thuộc thửa đất 457, tờ bản đồ số 2, tọa lạc ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là phường H, tỉnh Vĩnh Long) cho bà Nguyễn Thị L1.

Công nhận cho bà Nguyễn Thị L1 được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích diện tích 1.543m<sup>2</sup> (phần ký hiệu C, C3, A4), loại đất trồng màu, thuộc thửa 457, tờ bản đồ số 2, tọa lạc ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là phường H, tỉnh Vĩnh Long). Phần diện tích đất 1.543m<sup>2</sup> (phần ký hiệu C, C3, A4) có vị trí, tứ cận theo Sơ đồ khu đất kèm theo công văn số: 187/CNKV 12 - KT ngày 29/8/2025 của Văn phòng Đ - Chi nhánh Khu vực 12.

Bà Nguyễn Thị L1 được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 1.543m<sup>2</sup> (phần ký hiệu C, C3, A4) trên theo quyết định của Bản án này.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị L1.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không bị cải sửa có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND Khu vực 10 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 10 – Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Văn Hùng**